

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 244/2021/DS-ST
Ngày: 02/3/2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Yển

Ông Trần Văn Phủ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương – Thư ký Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 852/2020/TLST-DS ngày 19/6/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-DS ngày 02/02/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: 266-268 đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Quang Tấn H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 354/21 đường B, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy ủy quyền số 21/2020/UQ-CN Nhà Bè ngày 28/3/2020.

(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn A, sinh năm 1973

Thường trú: 231 đường H, xã P, thị trấn T, tỉnh Bình Định.

Tạm trú: 281/2/12 đường L, Phường Q, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 19/6/2020 và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Đinh Quang Tấn H tại các biên bản hòa giải và bản tự khai:*

Ngày 11/8/2018, Ông Bùi Văn A ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng theo mẫu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi là Ngân hàng). Theo đó, Ngân hàng chấp nhận phát hành 01 thẻ tín dụng có hạn mức 60.000.000 đồng, số thẻ 436438-7786.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng nêu trên, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông A đã thực hiện các giao dịch với số tiền 598.915.500 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi phát sinh 545.872.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Từ ngày 05/10/2019 Ông A không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào theo thỏa thuận. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn ngày 05/02/2020 (Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Ông A trả số tiền 103.092.937 đồng tạm tính đến ngày 02/3/2021 cụ thể: nợ gốc là 68.436.609 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.656.328 đồng. Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Ông A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/8/2018. Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn Ông Bùi Văn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng Ông A vắng mặt không có lý do.

Đến ngày xét xử sơ thẩm, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu trong đơn khởi kiện và không bổ sung chứng cứ nào khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bảng kê chi tiết lịch sử thanh toán của Ông Bùi Văn A, có cơ sở xác định Ông A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng khởi kiện Ông A - có địa chỉ cư trú cuối cùng tại 281/2/12 đường L, Phường Q, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - đối với việc sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng thì đây là quan hệ hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng:

Theo kết quả xác minh, Ông Bùi Văn A có đăng ký tạm trú tại 281/2/12 đường L, Phường Q, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, Ông A không còn cư ngụ tại địa phương từ năm 2019, đi đâu không rõ.

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ triệu tập Ông A để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 02/02/2021 và phiên tòa hôm nay nhưng Ông A vẫn vắng mặt không có lý do.

Nguyên đơn, do ông Đinh Quang Tấn H là người đại diện ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Ông A không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng Ông A đã ký ngày 11/8/2018, nội dung đề nghị Ngân hàng cấp thẻ tín dụng và Ngân hàng phê duyệt hạn mức 60.000.000 đồng. Ông A cũng xác nhận đã đọc và đồng ý bị ràng buộc nghĩa vụ và chịu trách nhiệm bởi bản Điều khoản và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là Đơn vị phát hành thẻ (sau đây gọi là bản Điều khoản). Nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ nêu trên phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật.

Theo tóm tắt sao kê, từ ngày 05/10/2019 cho đến nay, Ông A không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng là Ông A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo Điều 2, Điều 8 và Điều 23 của bản Điều khoản, ngày 05/02/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số nợ gốc là 68.436.609 đồng.

Theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng, lãi suất thẻ tín dụng cá nhân là 2,4%/tháng. Cho đến nay, Ngân hàng không thay đổi mức lãi suất này. Tại Điều 23 bản Điều khoản áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Ngân hàng đã áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% lãi suất thẻ. Căn cứ Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước, lãi suất Ngân hàng áp dụng là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét yêu cầu của Ngân hàng, khởi kiện yêu cầu Ông A trả toàn bộ số tiền 103.092.937 đồng tạm tính đến ngày 02/3/2021 cụ thể: nợ gốc là 68.436.609 đồng, nợ

lãi quá hạn là 34.656.328 đồng. Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Ông A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/8/2018. Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 13, Điều 11 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và điểm a khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 22 của Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, khi Ông A không thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng nêu trên, chuyển sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn là phù hợp với quy định pháp luật. Đồng thời căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.154.647 đồng.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.963.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0087781 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Điều 11, khoản 2 Điều 13 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 22 của Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

- Căn cứ Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Ông Bùi Văn A có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 103.092.937 (Một trăm lẻ ba ngàn không trăm chín mươi hai ngàn chín trăm ba mươi bảy) đồng tạm tính đến ngày 02/3/2021 cụ thể: nợ gốc là 68.436.609 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.656.328 đồng phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/8/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Ông Bùi Văn A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/8/2018.

Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm

Ông Bùi Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.154.647 (Năm triệu một trăm năm mươi bốn ngàn sáu trăm bốn mươi bảy) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.963.000 (Một triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2019/0087781 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, Ông Bùi Văn A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 01 tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận B;
- THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiều Trang